

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ - ST

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Nguyễn Thái Hoà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường ,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST -
HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa
các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1962; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y, xã P, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng
Thị Minh D – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc;
Địa chỉ: 746 Đường H, phường D, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. (có
mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp
theo, nguyên đơn bà H trình bày:* Ngày 05/8/1982, bà và ông Nguyễn Đăng N
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trước khi cưới, có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi cưới, bà về làm dâu và ở chung cùng gia đình ông N. Vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 9/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sự bất đồng quan điểm trong đời sống nhân sinh, quan điểm về tôn giáo, tín ngưỡng và trong cả làm ăn kinh tế. Mặc dù bà và ông N vẫn ở chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không ai hỏi han gì đến nhau. Lâu nay bà đã một lòng nguyện hướng quy y tu hành theo đạo Phật, không còn vương vấn với thế tục, nên bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có ba con chung là anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1983; anh Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Nay các anh chị đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn bà H không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Đăng N khai: Về quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày là đúng. Từ tháng 9/2018, bà H tín ngưỡng theo Đạo Phật, phát tâm tu hành nên không còn thiết tha đối với gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, mặc dù ở chung một nhà nhưng ông và bà H cũng không hỏi han, quan tâm gì đến nhau. Nay bà H xin ly hôn ông vẫn mong bà H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như bà H trình bày. Hiện nay, các anh chị đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn ông N không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H – bà Hoàng Thị Minh D trình bày: Đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà H, bà không bổ sung ý kiến gì thêm. Cuộc hôn nhân giữa bà H và ông N đã tồn tại nhiều bất đồng, khác biệt với nhau. Trên thực tế, lâu nay bà H đã nhất tâm quy y cửa Phật nên không muốn ràng buộc, vướng bận điều gì nữa. Bản thân ông N có biết điều này nhưng lại không có sự cảm thông, chia sẻ cùng bà H, thường xuyên ngăn cản việc bà H tu tập. Vì thế tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm đến nhau. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, quan điểm của bà

đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho bà H được ly hôn ông N.

Tại phiên toà hôm nay, bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn ông N, mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông nhưng ông N không đến Toà làm việc và tiếp tục vắng mặt tại phiên toà hôm nay không có lý do.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là xã P, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi bà H và ông N kết hôn và chung sống. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình kết hôn, chung sống cũng như vấn đề con chung của bà H và ông N đúng như ông bà trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Địa phương chỉ thấy những lần bà H đến trụ sở Uỷ ban nhân dân xã để xin giấy tờ nhân thân thì bà đã xuống tóc, mặc đồ xuất gia tu hành. Nay bà H xin ly hôn với ông N, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án xử cho bà H được ly hôn ông Nguyễn Đăng N; Về con chung, tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bà H có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Đăng N. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Đăng N lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt

không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hàng ngày, giữa ông N và bà H có nhiều bất đồng về quan điểm nhân sinh, tín ngưỡng cũng như làm ăn kinh tế dẫn đến những rạn nứt trong tình cảm vợ chồng. Bà H và ông N đều thừa nhận mặc dù vợ chồng sống chung một nhà với nhau nhưng không ai hỏi han, quan tâm đến nhau. Bản thân bà H đã nhất tâm quy y cửa Phật, một lòng mong muốn tu hành, không còn tình cảm, bận tâm đối với cuộc sống đời thường. Do vậy, đối với cuộc sống gia đình cùng ông N, bà đã không còn tha thiết. Ông N không đồng ý ly hôn nhưng tại các buổi hoà giải được Tòa án ấn định, ông N đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông N không thực sự có mong muốn hàn gắn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của một cuộc hôn nhân là vợ chồng cùng nhau vun vén gia đình, tạo dựng một đời sống tình cảm hạnh phúc, có sự sẻ chia, gắn bó. Trong cuộc hôn nhân của bà H với ông N, mỗi người theo đuổi một quan điểm nhân sinh khác nhau, không có sự sẻ chia, cùng nhau vun đắp hạnh phúc trong tương lai. Do vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà H và ông N có ba con chung là anh Nguyễn Đăng Lượng, sinh năm 1983; anh Nguyễn Đăng Đại, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1989. Hiện nay các anh chị đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà H và ông N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Bà H, ông N không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đăng N.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002145 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Khang Nguyễn Văn Chung

Bùi Thị Đoan Trang

